

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại các huyện Đắk Glong, Đắk R'lấp, Krông Nô, thị xã Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại các huyện Đắk Glong, Đắk R'lấp, Krông Nô, thị xã Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông họp ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại các huyện Đắk Glong, Đắk R'lấp, Krông Nô, thị xã Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 116/BQL-KTTL ngày 27 tháng 6 năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 222/TTr-TNMT-BVMT ngày 02 tháng 7 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk

Nông tại các huyện Đắk Glong, Đắk R'lấp, Krông Nô, thị xã Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án

1.1. Vị trí của Dự án: Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình 9 hồ chứa nước và 10 trạm bơm (01 trạm bơm làm mới) nằm trên địa bàn 03 huyện và 01 thị xã: Krông Nô (11 công trình); Đắk Glong (05 công trình); Đắk R'lấp (02 công trình), thị xã Gia Nghĩa (01 công trình).

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này)

Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: 116.000 m² (trong đó: diện tích đất chiếm dụng vĩnh viễn là 48.500 m² và diện tích đất chiếm dụng tạm thời là 67.500 m²).

1.2. Quy mô Dự án:

- Nâng cấp 09 hồ chứa nước bao gồm các hạng mục: Hồ chứa nước, đập đất tràn tháo lũ, cống lấy nước, kênh dẫn nước, đường vận hành.
- Nâng cấp 09 trạm bơm với các hạng mục: Nâng cấp nhà trạm; sửa chữa, thay mới máy bơm; làm mới và nạo vét các kênh dẫn nước vào bể hút, gia cố hai bên cửa vào kênh dẫn bể hút, nâng cấp đường vận hành; làm mới kênh tưới, tiêu.
- Làm mới 01 trạm bơm: Xây nhà trạm, lắp đặt máy bơm bể hút, bể xả, kênh tưới, kênh dẫn, kênh tiêu, và đường vận hành.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Bố trí, xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Công tác thiết kế, thi công tại các đập phải đảm bảo an toàn theo các quy định tại: Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành; Công tác giám sát phải được thực hiện thường xuyên đảm bảo không để sự cố xảy ra trong quá trình thi công cũng như vận hành.

2.3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, giám sát và kỹ thuật công trình để ngăn ngừa và xử lý các sự cố về môi trường nhằm đảm bảo an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh và những người tham gia thực hiện Dự án.

Tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước theo quy định hiện hành; Tuân thủ những quy định của pháp luật về xây dựng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật Việt Nam trong xây

dựng công trình giao thông đường bộ; Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông của cơ quan có thẩm quyền.

2.4. Bố trí, thiết kế các công trình phục vụ thi công như: Lán trại của công nhân, kho chứa nguyên vật liệu, bãi tập kết máy móc thiết bị, nhà vệ sinh, bãi chứa chất thải ở những nơi phù hợp, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công và vận hành các công trình của Dự án. Các bãi chứa thải chỉ được phép đổ thải khi có văn bản chấp thuận của chính quyền địa phương nơi có bãi thải của Dự án;

2.5. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai thực hiện Dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải, nước thải độc hại ra môi trường xung quanh.

Có biện pháp đảm bảo quá trình xây dựng Dự án ảnh hưởng thấp nhất đến đất sản xuất, hệ thống giao thông, việc tưới tiêu của người dân trong khu vực dự án,... tránh để xảy ra khiếu kiện, tranh chấp.

Lắp đặt biển báo tại những khu vực thi công, khu vực hồ chứa để đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông, hoạt động sản xuất, phòng chống cháy, nổ, đuối nước trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành theo đúng các quy định của pháp luật.

2.6. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất phải được quản lý, xử lý theo đúng quy định hiện hành. Đăng ký chủ nguồn thải đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án và quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

2.7. Có biện pháp quản lý cán bộ, công nhân lao động của Dự án để ngăn chặn các hiện tượng xung đột xã hội đối với người dân địa phương; có chương trình tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân lao động, người dân địa phương trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án;

2.8. Nghiêm túc thực hiện các giải pháp an toàn hồ chứa; Lập quy trình điều tiết nước trong hồ chứa, quy định việc tích nước hồ, xả nước hồ trong điều kiện bình thường và trong tình huống khẩn cấp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

2.9. Lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố khẩn cấp như vỡ đập, sạt lở bờ hồ, động đất, trượt lở đất và đảm bảo nước tưới cho hạ du trong mùa khô, sự cố mất an toàn và môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án; Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, quản lý an toàn đập theo quy định hiện hành; Trong trường hợp xảy ra các sự cố phải báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên

và Môi trường, đồng thời triển khai kế hoạch ứng phó, tiến hành bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho những đối tượng bị ảnh hưởng theo quy định của pháp luật.

2.10. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã nơi thực hiện dự án và theo đúng quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện dự án để đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và các hoạt động kinh tế – xã hội của địa phương.

2.11. Lưu trữ, chuyển giao đầy đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường của dự án cho cơ quan quản lý, khai thác công trình khi bàn giao.

2.12. Tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này; thực hiện chương trình giám sát môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giám sát các yếu tố có ảnh hưởng đến môi trường. Định kỳ 6 tháng một lần, Chủ dự án phải nộp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, UBND các huyện: Krông Nô, Đắk Glong, Đắk R'lấp, thị xã Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông. Số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, kiểm tra.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập kế hoạch quản lý môi trường cho từng giai đoạn chuẩn bị, xây dựng và hoạt động của dự án trên cơ sở chương trình quản lý môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ; niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại trụ sở UBND các xã nơi thực hiện việc tham vấn cộng đồng để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án (hoặc tổ chức, cá nhân được Chủ dự án chuyển giao quản lý vận hành công trình) phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Đắk Nông.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường này là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các huyện: Krông Nô, Đắk Glong, Đắk R'lấp, thị xã Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông

thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. nr

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Tổng cục Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, XD;
- Công an tỉnh (PC49);
- UBND các huyện: Krông Nô, Đắk Glong, Đắk R'lấp, thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục Bảo vệ môi trường (2);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CTTĐT, NN(Tha).

14

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

ĐẮK NÔNG

PHỤ LỤC 1: VỊ TRÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1048 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên công trình	Địa điểm	X	Y
1	Hồ chứa Chum IA	Xã Đắk Som – Đắk Glong	1313900	436948
2	Hồ chứa Đắk R'tang	Xã Kiến Thành – Đắk R'lấp	1327877	393876
3	Hồ chứa Đắk H'lang	Xã Quảng Khê – Đắk Glong	1315144	421602
4	Hồ chứa Trường học	Xã Quảng Khê – Đắk Glong	1317555	423035
5	Hồ Dạ Hang Lang	Xã Đắk R'Măng – Đắk Glong	1334127	434468
6	Hồ thủy lợi Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú – TX. Gia Nghĩa	1329956	409591
7	Hồ thôn 5	Xã Đắk Sin – Đắk R'lấp	1311041	389246
8	Hồ Trảng Ba	Xã Đắk Ha – Đắk Glong	1326659	421173
9	Hồ Buôn Rcập	Xã Năm Nung – Krông Nô	1369319	420558
10	Trạm bơm Đắk Rền 1	Xã Năm N'Dir – Krông Nô	1368653	437685
11	Trạm bơm Đắk Rền 1A	Xã Năm N'Dir – Krông Nô	1369812	436731
12	Trạm bơm Đắk Rền 2	Xã Năm N'Dir – Krông Nô	1371491	435837
13	Trạm bơm Đắk Rền 3	Xã Năm N'Dir – Krông Nô	1373005	436379
14	Trạm bơm Đắk Rền 4	Xã Năm N'Dir – Krông Nô	1373502	436477
15	Trạm bơm Đắk Rền 5	Xã Năm N'Dir – Krông Nô	1374165	436854
16	Trạm bơm Buôn Choah 1	Xã Buôn Choah – Krông Nô	1375760	442207
17	Trạm bơm Buôn Choah 2	Xã Buôn Choah – Krông Nô	1378744	444714
18	Trạm bơm Buôn Choah 3	Xã Buôn Choah – Krông Nô	1380799	444428
19	Trạm bơm Buôn Choah 5	Xã Buôn Choah – Krông Nô	1383029	442655



PHỤ LỤC 2: QUY MÔ DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1048 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)
 Bảng Thông số công trình Hồ chứa sau nâng cấp

TT	Thông số Hồ chứa	Chum Ia	Đất R'tang	Đất H'lang	Trường Học	Dạ Hang Lang	Thủy Lợi Nghĩa Phú	Thôn 5	Trảng Ba	Buôn R'Cập
I	THÔNG SỐ CHUNG									
	Cấp Công trình	III	III	III	III	III	III	III	III	III
	Mức nước dâng bình thường (m)	826.40	637.80	666.20	724.50	667.00	618.60		639.50	535.50
	Mức nước chết (m)		633.80		722.30				634.00	530.40
	Mức nước lũ thiết kế (mức nước dâng gia cường) (m)	827.40	638.80	667.20	725.50	668.00	619.50		640.50	537.00
	Diện tích tưới trước khi nâng cấp (ha)	119	170	100	34	40	110	120	107	117
	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)	119	170	100	35	40	140	140	125	117
II	ĐẬP CHÍNH									
	Cao trình đỉnh đập nâng cấp (m)	828.50	639.20	668.50	726.00	668.80	620.00		641.70	538.00
	Chiều dài đập (m)	120	325.0	150	80.00	82.00	78.00		130.00	137.00
	Chiều rộng (m)	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00		6.00	5.00
	Đỉnh tường chắn sóng (m)	829.10		669.10	726.60	669.40	620.80		642.30	538.60
	Hệ số mái thượng lưu	m=3.00	m=2.00	m=2.75	m=2.50	m=2.75	m=3.00		m=2.50	m=3.00
	Hệ số mái hạ lưu	m=3.00	m=2.75	m=2.75	m=2.50	m=2.75	m=3.00		m=2.50	m=2.75
III	TRẦN CHÍNH									
	Cao trình ngưỡng (m)	826.40	637.80	666.20	725.00		618.60		639.50	535.50
	Chiều rộng tràn (m)	4.50	10.00	3.20	4.00		5.00		3.50	7.00
IV	ĐƯỜNG VẬN HÀNH									
	Kết cấu đường	Bê tông xi măng	Bê tông xi măng	Bê tông xi măng	Bê tông xi măng	Bê tông xi măng	Bê tông xi măng		Bê tông xi măng	Bê tông xi măng
	Chiều dài (m)	600.0		315.0	130.0	623.0	300.00		32.00	580.00
	Chiều rộng (m)	3.5+0.75x2=5.0		3.5+0.75x2=5.0	3.5+0.75x2=5.0	3.5+0.75x2=5.0	3.5+0.75x2=5.0		3.5+0.75x2=5.0	3.5+0.75x2=5.0

Thông số công trình Trạm Bơm sau nâng cấp

TT	Thông số công trình	Trạm bơm Đắc Rền 1	Trạm bơm Đắc Rền 1a	Trạm bơm Đắc Rền 2	Trạm bơm Đắc Rền 3	Trạm bơm Đắc Rền 4	Trạm bơm Đắc Rền 5	Trạm bơm Buôn Choah 1	Trạm bơm Buôn Choah 2	Trạm bơm Buôn Choah 3	Trạm bơm Buôn Choah 5
I	Thông số trạm bơm										
	Cấp công trình	IV	IV	IV	IV	IV	IV	IV	IV	IV	IV
	Diện tích tưới trước khi nâng cấp (ha)	46	17	44	47	54	31	72	75	72	6
	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)	130	67	125	133	126	65	156	163	160	60
	Chủng loại máy bơm	HL1120-6,5	HL 600-5	HL1120-6,5	HL1120-6,5	HL1120-6,5	HL700-7	HL1100-12	HL1100-12	HL1100-12	HL700-7
II	Gia cố bờ sông hai bên cửa vào kênh dẫn bể hút (2 bên bờ)										
	Chiều dài (m)	104	119	129	119	135	150	74	129	195	
	Cao trình đỉnh kê chân kê (m)	+425,20; +422,00	+425,00; +421,80	+422,90; +419,70	+421,50; +418,30	+421,50; +418,30	+420,90; +417,70	+412,70; +409,50	+412,70; +409,50	+412,70; +409,50	
	Hệ số mái kê	m=1,50	m=1,50	m=1,50	m=1,50	m=1,50	m=1,50	m=1,50	m=1,50	m=1,50	
	Kết cấu chính	Đá học lát khan dày 25cm, trong khung bê tông cốt thép M250 đá 1x2 - chân kê: xếp rọ đá (2x1x0,5)m dày 0,5m, rộng 5m, dưới là lớp đá học hộ chân kê tạo mái m=2,50 và vải địa kỹ thuật	"nt"	"nt"	"nt"	"nt"	"nt"	"nt"	"nt"	"nt"	
II	Gia cố hai bên kênh dẫn bể hút										
	Chiều dài (m)							76	70	70	



TT	Thông số công trình	Trạm bơm Đắc Rền 1	Trạm bơm Đắc Rền 1a	Trạm bơm Đắc Rền 2	Trạm bơm Đắc Rền 3	Trạm bơm Đắc Rền 4	Trạm bơm Đắc Rền 5	Trạm bơm Buôn Choah 1	Trạm bơm Buôn Choah 2	Trạm bơm Buôn Choah 3	Trạm bơm Buôn Choah 5
	Cao trình đỉnh kê-chân kê (m)							+417,0 +414,20	+412,70; +410,70	+412,70; +410,70	*
	Hệ số mái kê							m=1,50	m=1,50	m=1,50	
	Kết cấu chính							Đá học lát khan dày 25cm, trong khung bê tông cốt thép M250 đá 1x2 - chân kê: xếp rọ đá (2x1x0,5)m dày 0,5m, rộng 2m và vài địa kỹ thuật	"nt"	"nt"	
III	Kênh tưới										
	Kết cấu kênh	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm	bê tông cốt thép M200 dày 15 cm	bê tông cốt thép M200 dày 10 cm
	Kích thước mặt cắt ngang	0,4x0,5	0,4x0,5	0,4x0,5	0,4x0,5	0,4x0,5	0,4x0,5	0,4x0,5	0,4x0,5	0,9x1,0 (L=1000) 0,7x0,9 (L=1469)	0,6x0,6 (L=1160) 0,4x0,6 (L=1654) 0,4x0,5 (L=266)
	Chiều dài (m)	1600.0	1500.0	1700.0	1500.0	1000.0	1400.0	1000.0	1520.0	2469.0	3080.0
IV	Đường vận hành										
	Kết cấu đường cũ	Hiện trạng - đường đất	Đường đất	Đường đất	Đường đất	Đường đất	Đường đất	Đường đất	Đường đất		Đường đất
	Kết cấu đường	bê tông xi măng dày 16cm	bê tông xi măng dày 16cm	bê tông xi măng dày 16cm	bê tông xi măng dày 16cm	bê tông xi măng dày 16cm	bê tông xi măng dày 16cm	bê tông xi măng dày 16cm	bê tông xi măng dày 16cm		bê tông xi măng dày 16cm
	Chiều dài (m)	1200.0	400.0	150.0	200.0	150.0	200.0	100.0	100.0		1000.0
	Chiều rộng (m)	3.0+0.5x2=4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0		4,0